FLYERS ENGLISH

Từ vựng A1 Movers: Sức khỏe

17 từ chủ đề sức khỏe mới ở cấp độ Cambridge A1 Movers. Mỗi từ có nghĩa dễ hiểu và một câu ví dụ.

Cách dùng danh sách này

1. Mỗi ngày học một chủ đề. Mười đến mười lăm phút là đủ.
2. Cùng con đọc to từ, nghĩa và câu ví dụ.
3. Đánh dấu vào ô khi con nói được từ và đặt được câu với từ đó.

Sức khỏe · A1 Movers 17 từ

TỪ	NGHĨA (TIẾNG ANH)	CÂU VÍ DỤ
☐ **cold** *adjective, noun*	Something that is not hot or warm.	*I feel cold, so I need a jacket.*
☐ **cough** *noun*	To push air out of your mouth because you are sick.	*I had a bad cough last week.*
☐ **cry** *verb*	To make tears because you are sad or hurt.	*I cry when I watch sad movies.*
☐ **dentist** *noun*	A person who helps you take care of your teeth.	*My mum takes me to the dentist every year.*
☐ **doctor** *noun*	A person who helps sick people.	*I go to the doctor when I am sick.*
☐ **earache** *noun*	Your ear hurts.	*I have an earache so I can't swim.*
☐ **fine** *adjective, exclamation*	It is good.	*I am fine, thank you!*
☐ **headache** *noun*	It's a pain in your head.	*I have a bad headache after school.*
☐ **hospital** *noun*	It is a place where sick people go to get better.	*My dad went to the hospital to see his friend.*
☐ **ill** *adjective*	Not healthy or feeling bad.	*She is ill so she is at home.*
☐ **matter** *noun*	It is a thing you can touch or see.	*Dirt and rocks are kinds of matter.*
☐ **nurse** *noun*	A nurse helps sick people.	*The nurse gave me a sticker.*
☐ **sick** *adjective*	Not feeling well or healthy.	*I am sick, so I can't go to school.*
☐ **stomach-ache** *noun*	A pain in your tummy.	*I have a stomach-ache after eating too much cake.*
☐ **temperature** *noun*	It tells you how hot or cold something is.	*The temperature outside is very cold today.*
☐ **tired** *adjective*	You want to sleep.	*I am tired after school.*
☐ **toothache** *noun*	It is a pain in your tooth.	*I have a toothache, so I will see a dentist.*

Nghe phát âm và chơi với các từ này

Danh sách này có hình, âm thanh và trò chơi miễn phí trên FlyersEnglish. Mở trang bên dưới trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính.

flyersenglish.com/vi/wordlist/movers/health

Bám sát danh sách từ vựng chính thức của Cambridge English Young Learners. Nghĩa và câu ví dụ do FlyersEnglish biên soạn. FlyersEnglish không liên kết với Cambridge và không được Cambridge bảo trợ.